**Phụ lục**

**KHUNG KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH CỦA TỈNH THỪA THIÊN HUẾ GIAI ĐOẠN 2021 - 2025**

*(Kèm theo Quyết định số: 2243 /QĐ-UBND ngày 10 /9/2021 của UBND tỉnh)*

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **1- Mục tiêu** | **2- Nhiệm vụ** | **3- Hoạt động** | **4- Kết quả/ Sản phẩm** | **5-Chủ trì** | **6-Phối hợp** | **7-Thời gian** | **8- Kinh phí** |
| **I** | **Cải cách thể chế** | | | | | | | |
| 1 | Hoàn thiện hệ thống pháp luật của HĐND và UBND | Ban hành văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) của HĐND và UBND | Lập đề nghị xây dựng Nghị quyết, Quyết định | Tờ trình, Nghị quyết, Quyết định | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Soạn thảo, lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết, Quyết định | Công văn | Cơ quan soạn thảo văn bản QPPL | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Thẩm định dự thảo văn bản | Báo cáo thẩm định văn bản | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Ban hành văn bản QPPL | Nghị quyết, Quyết định | Cơ quan soạn thảo văn bản QPPL | Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tư pháp | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Kiểm tra văn bản QPPL | Tự kiểm tra Quyết định của UBND | Phiếu kiểm tra, Báo cáo nội dung trái pháp luật (nếu có). | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm tra văn bản bản QPPL | Kế hoạch | Sở Tư pháp | HĐND, UBND cấp huyện | Trước ngày 31/12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Kiểm tra văn bản văn bản QPPL | Quyết định, Biên bản, Kết luận kiểm tra | Sở Tư pháp | HĐND, UBND cấp huyện | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Rà soát văn bản QPPL thuộc lĩnh vực quản lý của ngành | Kế hoạch rà soát văn bản QPPL | Kế hoạch | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Sở Tư pháp | Trước ngày 15/01 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Báo cáo kết quả công tác rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL trong năm rà soát | Báo cáo | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Sở Tư pháp | Trước ngày 15/01 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Công bố danh mục văn bản QPPL do HĐND, UBND tỉnh ban hành hết liệu lực, ngưng hiệu lực | Quyết định | Sở Tư pháp, Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Củng cố, kiện toàn tổ chức pháp chế các cơ quan chuyên môn và doanh nghiệp nhà nước, gắn với nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, những người làm công tác xây dựng pháp luật | Xây dựng và ban hành Kế hoạch về công tác pháp chế | Kế hoạch | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Trước ngày 31/12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Tổ chức tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ, công chức, những người làm công tác xây dựng pháp luật và pháp chế cơ quan | Lớp tập huấn | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| 2 | Đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả thực thi pháp luật | Triển khai có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật; đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật | Xây dựng và ban hành Kế hoạch theo dõi tình hình thi hành pháp luật | Kế hoạch | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Trước ngày 15/01 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Thực hiện công tác kiểm tra tình hình thi hành pháp luật | Quyết định, Biên bản, Kết luận kiểm tra | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Thực hiện hoạt động điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật | Phương án điều tra, khảo sát | Sở Tư pháp | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện chính sách và giám sát thi hành pháp luật; kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật | Tăng cường năng lực phản ứng chính sách, kịp thời xử lý các vấn đề mới phát sinh trong tổ chức thi hành pháp luật | Các văn bản xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật/Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hàng năm | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh: đối với xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật;  Sở Tư pháp: đối với Báo cáo kết quả theo dõi thi hành pháp luật hàng năm | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Trước ngày 10/12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| **II** | **Cải cách thủ tục hành chính** | | | | | | | |
| 1 | Cải cách quyết liệt, hiệu quả quy TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước, cải thiện, nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bảo đảm cạnh tranh lành mạnh, bình đẳng, minh bạch | Kiểm soát chặt chẽ việc ban hành các quy định TTHC liên quan đến người dân, doanh nghiệp, bảo đảm TTHC mới ban hành phải đơn giản, dễ hiểu, dễ thực hiện | Xây dựng và ban hành Kế hoạch kiểm soát TTHC | Kế hoạch | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Tháng 12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Rà soát, đánh giá TTHC trong quá trình thực hiện; loại bỏ các thủ tục rườm rà, chồng chéo dễ bị lợi dụng để tham nhũng, gây khó khăn cho người dân, tổ chức | Xây dựng và ban hành Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC | Kế hoạch | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Tháng 12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| Báo cáo kết quả rà soát TTHC, các quy định có liên quan và đề xuất phương án đơn giản hóa TTHC của UBND tỉnh | Báo cáo, Phương án | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm |  |
| Quyết định phê duyệt phương án đơn giản hóa TTHC của UBND tỉnh | Quyết định | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm |  |
| 2 | Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90% | Hoàn thành đổi mới thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC theo quy định tại Quyết định số 468/QĐ-TTg ngày 27/3/2021 của Thủ tướng Chính phủ | Triển khai thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC gắn với chuyển đổi số dịch vụ công trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế đến năm 2025 | Công văn,  Báo cáo,  Lớp tập huấn | Văn phòng UBND tỉnh | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| **III** | **Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước** | | | | | | | |
| 1 | Tiếp tục rà soát, sắp xếp, tinh gọn hệ thống tổ chức cơ quan hành chính nhà nước các cấp ở địa phương theo quy định | Thực hiện nghiêm túc các Nghị quyết, chương trình hành động của BCH Trung ương Đảng, Quốc hội, Chính phủ về sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tinh gọn, đảm bảo hoạt động hiệu lực, hiệu quả | Triển khai sắp xếp tổ chức các cơ quan chuyên môn cấp tỉnh, cấp huyện theo Nghị định số 107/2020/NĐ-CP và 108/2020/NĐ-CP của Chính phủ | Đề án, Quyết định | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Năm 2021 |  |
| 2 | Tăng cường đổi mới, cải tiến phương thức làm việc nhằm nâng cao năng lực chỉ đạo, điều hành, nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy nhà nước; đẩy mạnh phân cấp quản lý nhà nước | Thường xuyên rà soát, quy định lại chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan hành chính nhà nước theo hướng ngày càng phân định rõ nhiệm vụ của từng cơ quan, tránh tình trạng chồng chéo, trùng lắp hoặc bỏ sót nhiệm vụ | Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn các cơ quan hành chính nhà nước | Quyết định | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm |  |
| 3 | Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90% vào năm 2025 | Thực hiện thường xuyên việc đánh giá mức độ hài lòng đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước các cấp tại địa phương | Khảo sát, đánh giá mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước | Kế hoạch, Báo cáo | Sở Nội vụ | Bưu điện tỉnh; các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| **IV** | **Cải cách chế độ công vụ** | | | | | | | |
| 1 | Xây dựng nền công vụ chuyên nghiệp, trách nhiệm, năng động và thực tài | Đổi mới nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực, kỹ năng và phẩm chất cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức gắn với vị trí việc làm | Xây dựng, ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức hàng năm | Kế hoạch | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Quý IV hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| 2 | Đến năm 2025,xây dựng được đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có cơ cấu hợp lý, đáp ứng tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm và khung năng lực theo quy định | Cơ cấu, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức các cấp, các ngành theo vị trí việc làm, khung năng lực, bảo đảm đúng người, đúng việc, nâng cao chất lượng, hợp lý về cơ cấu | Thẩm định, phê duyệt Đề án vị trí việc làm, khung năng lực của từng vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị sau khi sắp xếp, kiện toàn bộ máy | Đề án, Quyết định | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| **V** | **Cải cách tài chính công** | | | | | | | |
| 1 | Nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm và thúc đẩy sự sáng tạo; nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động; kiểm soát tham nhũng tại các cơ quan, đơn vị | Triển khai thực hiện tốt cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP, Nghị định số 117/2013/NĐ-CP đối với các cơ quan hành chính nhà nước; Nghị định số 60/2021/NĐ-CP đối với đơn vị sự nghiệp công lập | Ban hành Quyết định giao quyền tự chủ cho các cơ quan, đơn vị | Quyết định | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Hàng năm |  |
| 2 | Ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước | Nâng cao hiệu quả thực hiện chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí đối với các đơn vị sự nghiệp nhà nước | Tiến hành rà soát, thẩm định và xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh | Nghị quyết, Quyết định | Sở Tài chính | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | 2021-2022 |  |
| **VI** | **Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số** | | | | | | | |
| 1 | Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ hoàn thiện phát triển chính quyền số | Phát triển chính quyền số tỉnh Thừa Thiên Huế | - Triển khai nền tảng tích hợp, chia sẻ;  - Số hóa dữ liệu chuyên ngành;  - Nâng cấp hệ thống thông tin dịch vụ công;  - Xây dựng dịch vụ tích hợp, thu thập dữ liệu;  - Xây dựng công cụ kết nối, trao đổi thông tin giữa cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh. | Hệ thống các sản phẩm, ứng dụng phục vụ chính quyền số | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | 2021 - 2022 | 21.500 triệu đồng |
| 2 | Hoàn thiện nền tảng số cung cấp cho các cơ quan, đơn vị nhà nước thực hiện số hóa và quản lý dữ liệu | Xây dựng hệ thống nền tảng số tỉnh Thừa Thiên Huế | - Xây dựng nền tảng số;  - Xây dựng công cụ giám sát tích hợp;  - Nâng cấp, mở rộng nền tảng dịch vụ đô thị thông minh. | Hệ thống các ứng dụng nền tảng số cho các dịch vụ ĐTTM,… | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | 2021 - 2022 | 13.500 triệu đồng |
| **VII** | **Công tác chỉ đạo, điều hành** | | | | | | | |
| 1 | 100% các sở, ban, ngành và UBND cấp huyện, cấp xã xây dựng Kế hoạch CCHC hàng năm và giai đoạn 2021 - 2025 phù hợp chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan, đơn vị | Tổ chức triển khai kịp thời các Chương trình, Kế hoạch CCHC của cơ quan hành chính nhà nước các cấp | Xây dựng, ban hành Kế hoạch cải cách hành chính hàng năm của tỉnh | Kế hoạch | Sở Nội vụ | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh; UBND cấp huyện | Tháng 12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| 2 | Hàng năm, thực hiện kiểm tra công tác CCHC ít nhất 30% các sở, cơ quan ngang sở, UBND cấp huyện; UBND cấp huyện tiến hành kiểm tra công tác CCHC ít nhất tại 30% UBND cấp xã trên địa bàn | Tăng cường và thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác CCHC tại đơn vị, địa phương để kịp thời rút kinh nghiệm, chỉ đạo khắc phục những tồn tại, hạn chế | Xây dựng, ban hành Kế hoạch kiểm tra CCHC, kiểm soát TTHC, Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 và thực hiện ý kiến chỉ đạo hàng năm trên địa bàn tỉnh | Kế hoạch | Sở Nội vụ | Văn phòng UBND tỉnh | Tháng 12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| 3 | Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến thông tin để mọi cán bộ, công chức và người dân nhận thức đúng, đồng thuận, chấp hành các chủ trương, chính sách, nội dung CCHC của Đảng, Nhà nước | Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho cán bộ, công chức, người dân, doanh nghiệp và xã hội | Xây dựng, ban hành Kế hoạch tuyên truyền cải cách hành chính hàng năm của tỉnh | Kế hoạch | Sở Thông tin và Truyền thông | Các sở, ban, ngành cấp tỉnh | Hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| 4 | Đổi mới, nâng cao chất lượng công tác tổ chức đánh giá, xác định Chỉ số CCHC hàng năm của các cơ quan hành chính theo hướng toàn diện, đa chiều, công khai, minh bạch, tăng cường ứng dụng CNTT, truyền thông trong đánh giá | Triển khai việc đánh giá, xếp loại công tác CCHC của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã | Tổ chức thẩm định, công bố kết quả đánh giá, xếp loại công tác CCHC hàng năm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh và UBND cấp huyện, cấp xã | Quyết định | Sở Nội vụ | Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Tư pháp, Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ; UBND cấp huyện | Tháng 12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |
| 5 | Nâng cao chất lượng hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước các cấp; tăng cường tính tự chủ và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập | Tổ chức thường xuyên việc đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh | Tổ chức thẩm định, công bố kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hoạt động hàng năm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND cấp huyện và các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc UBND tỉnh | Quyết định | Sở Nội vụ | Văn phòng UBND tỉnh, các Sở: Tài chính, Thông tin và Truyền thông, Khoa học và Công nghệ | Tháng 12 hàng năm | Theo dự toán ngân sách hàng năm |